TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 28-3-2025
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN - TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thúy Hà.
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hệ và Ông Phạm Minh Đức.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Hải - Thẩm tra viên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2025 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên mở phiên toà công khai, sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số 149/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22/10/2024, về việc *"tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 10/02/2025; các quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST - HNGĐ, ngày 26/02/2025; số 04/2025/QĐST- HNGĐ, ngày 19/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị** Nguyễn Thị Vân A**,** sinh năm 1977;

2. Bị đơn: **Anh** Vũ Việt H, sinh năm 1974.

Đều trú tại: số A, đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **cháu** Vũ Đức D, sinh ngày 18/02/2008; số 102, đường P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật của cháu D là chị Vân A và anh H (là bố, mẹ đẻ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày:

Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Vũ Việt H tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên năm 2000. Thời gian đầu sống chung giữa chị Vân A và anh H đôi lúc có những mâu thuẫn nhỏ nhưng anh, chị đều có ý thức hàn gắn không để xảy ra mâu thuẫn lớn cùng nhau vụ vén hạnh phúc, phát triển kinh tế và nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, vài năm trở lại đây, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống, từ việc không thông cảm, chia sẻ về kinh tế, mâu thuẫn trong việc làm ăn kinh tế đến việc cư xử với người thân trong gia đình; không tìm thấy tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con chung, cuộc sống vợ chồng luôn tồn tại sự nghi hoặc, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Hiện tại, chị Vân A

và anh H chung sống cùng nhà nhưng ly thân, không ăn uống cùng nhau, không nói chuyện, không có trách nhiệm với nhau, thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau, sống như người xa lạ. Gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn của vợ chồng, đã khuyên bảo nhưng không thể hòa giải được mâu thuẫn của chị Vân A và anh H. Vì vậy, chị Vân A đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên giải quyết cho ly hôn với anh H. Về con chung: Chị Vân A và anh H có 02 con chung là Vũ Đức T, sinh ngày 07/8/2001 và Vũ Đức D, sinh ngày 18/02/2008. Hiện nay, cháu T đã thành niên nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị Vân A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Vũ Việt H: Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ lên làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không hợp tác, không đến làm việc theo yêu cầu của Thẩm phán giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Vũ Đức D trình bày: bố mẹ có mâu thuẫn, hay to tiếng cãi nhau. Nếu bố mẹ ly hôn có nguyện vọng được ở với mẹ.

*Để làm rõ tình trạng hôn nhân giữa chị Vân A và anh H, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên đã tiến hành xác minh, cụ thể:

Ông Nguyễn Tiến H1, là bố đẻ chị Vân A trình bày: Không nắm rõ muân thuẫn giữa chị Vân A và anh H, không muốn chị Vân A và anh H ly hôn nhưng nếu anh chị không thể đoàn tụ thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định cuả pháp luật để giải quyết vụ án.

Ông Vũ C, là bố đẻ của anh Hà T1 quan điểm: việc anh H và chị Vân A ly hôn là chuyện riêng của anh chị, ông không có ý kiến và từ chối cung cấp thông tin nên Thẩm phán đã lập biên bản về việc không ghi được lời khai, có sự chứng kiến của tổ trưởng tổ dân phố L, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên nơi ông C sinh sống.

UBND phường H cung cấp: chị Vân A và anh H làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn của chị Vân A và anh H do không có yêu cầu hòa giải.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán không tiến hành hòa giải được do bị đơn không hợp tác, không đến phiên họp.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. HĐXX đã thực hiện đúng quy định trong việc xét xử, điều hành phiên tòa theo quy định tại Điều 225, từ Điều 227 đến Điều 229, Điều 234, Điều 239, Điều 247 đến Điều 258, Điều 260 đến Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện không đúng quy định tại các Điều 70, 72

Bộ luật tố tụng dân sự, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về đường lối giải quyết: Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vân A, cho chị Vân A được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao cháu Vũ Đức D, sinh ngày 18/02/2008 cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vân A không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: đương sự không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Vũ Việt H tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2000 tại UBND phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay chị Vân A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H; anh H đăng ký thường trú tại địa bàn thành phố H nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên và quan hệ pháp luật cần phải giải quyết là "*Tranh chấp ly hôn"*.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 mặc dù được triệu tập hợp lệ nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: HĐXX thấy:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Do anh Vũ Việt H không hợp tác khi Tòa án thành phố H thụ lý vụ án, không đến làm việc theo giấy triệu tập mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên Thẩm phán không lấy được lời khai, không thể tiến hành hòa giải vụ án. Mâu thuẫn hôn nhân giữa chị Vân A và chị H được thể hiện qua lời trình bày của chị Vân A tại phần nội dung của bản án. Căn cứ vào trình bày của chị Vân A xác định: chị và anh H chung sống ly thân, không ăn cùng, ngủ cùng, không quan tâm, chia sẻ mặc dù chung sống cùng nhà. Căn cứ vào việc xác minh tình trạng hôn nhân của chị Vân A và anh H. Căn cứ vào các tài liệu thu thập trong quá trình giải quyết vụ án như: Biên bản làm việc về việc giao tài liệu cho đương sự; Giấy báo phát thành công khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho anh H đều thể hiện anh H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án thành phố H nhưng không đến làm việc theo yêu cầu. Điều này, chứng tỏ anh H không còn quan tâm, tha thiết đến hôn nhân của anh H và chị Vân A. Mâu thuẫn giữa chị Vân A và anh H đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vân A.

2.2. Về con chung: Chị Vân A và anh H có 02 con chung là Vũ Đức T, sinh ngày 07/8/2001 và Vũ Đức D, sinh ngày 18/02/2008. Hiện nay, cháu T đã thành niên nên chị Vân A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Khi ly hôn, Chị Vân A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu D cho đến khi thành niên, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của chị Vân A phù hợp với nguyện vọng của cháu D. Anh H không có quan điểm khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nên cần giao cháu D cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vân A không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về tài sản: đương sự không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vân A, cho chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn với anh Vũ Việt H.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Vân A và anh Vũ Việt H có 02 con chung là Vũ Đức T, sinh ngày 07/8/2001 và Vũ Đức D, sinh ngày 18/02/2008. Cháu T đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Giao cháu D cho chị Vân A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vân A không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H *được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; Chị* Vân A *và gia đình không ai được cản trở anh* H *trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, Chị* Vân A *và anh* H *hoặc các cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.*

3. Về tài sản: các đương sự không đề nghị nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000546 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, chị Vân A đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận.
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên;
- Phòng nghiệp vụ & THA, Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- UBND phường Hiến Nam, TP Hưng Yên. (GĐKKH số 58, quyển số 01/2000 ngày 07/9/2000);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thúy Hà